

Số: 1041 /TM-BVTTHN
V/v mời báo giá hóa chất,
y dụng cụ, vật tư y tế

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Tâm thần Hà Nội có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho Gói thầu: Mua sắm hóa chất, y dụng cụ, vật tư y tế năm 2026 (lần 2) phục vụ nhu cầu chuyên môn của Bệnh viện với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Tên đơn vị: Bệnh viện Tâm thần Hà Nội

Địa chỉ: Số 30 ngõ 467, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá

Họ và tên: Đỗ Thu Hương

Đơn vị: Phòng Vật tư thiết bị y tế, Bệnh viện Tâm thần Hà Nội

Địa chỉ: Số 30 ngõ 467, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội.

Số điện thoại: 024.6296.0603

Email: phongtbyt.bvtthn@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp.

- Địa chỉ tiếp nhận báo giá: Phòng Vật tư - Thiết bị y tế, Bệnh viện Tâm thần Hà Nội. Số 30 ngõ 467, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội.

- Người nhận: Đỗ Thu Hương

- Số điện thoại: 024.6296.0603

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

Từ ngày tháng 8 năm 2026 đến trước 17 giờ 00 ngày 14 tháng 8 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xét duyệt.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

Tối thiểu 150 ngày kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục và yêu cầu về tính năng, yêu cầu về kỹ thuật của hóa chất, sinh phẩm, y dụng cụ, vật tư y tế: Chi tiết theo phụ lục đính kèm: *Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm.*

2. Các giấy tờ yêu cầu:

- Báo giá của hàng hóa cung cấp (Đầy đủ thông tin như mẫu biểu tại Phụ lục 02)
- Catalog, tài liệu kỹ thuật, datasheet mô tả đặc tính, cấu hình, thông số kỹ thuật của hàng hóa.
- USB file tính năng và thông số kỹ thuật chi tiết của danh mục.

Lưu ý: Các đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ gửi báo giá theo mẫu tại phụ lục 2 đính kèm.

3. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Bệnh viện Tâm thần Hà Nội, Số 30 ngõ 467 đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Lợi, Thành phố Hà Nội.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: Năm 2026, Quý I, II, III năm 2027. Giao thành nhiều lần, theo tiến độ từng lần gọi hàng

5. Dự kiến các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Theo thỏa thuận.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý công ty./.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Phòng CNTT (website bệnh viện);
- Lưu VT, VT-TBYT.



GIÁM ĐỐC

Vũ Ngọc Ủy

PHỤ LỤC 01. DANH MỤC HÓA CHẤT, SINH PHẨM, Y DỤNG CỤ, VẬT TƯ Y TẾ YÊU CẦU BẢO GIÁ

(Kèm theo Thư mời số 104/ TM-BVTTHN ngày 04 tháng 8 năm 2026
của Bệnh viện Tâm thần Hà Nội)

Stt	Stt theo phần	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
	1	Phần 1. Hóa chất và vật tư xét nghiệm sinh hóa (tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa M400)			
1	1.1	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm xác định nồng độ Albumin trong máu	Thuốc thử định lượng nồng độ Albumin trong máu. Mẫu bệnh phẩm: huyết thanh/ huyết tương. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	ml	1.010
2	1.2	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm xác định nồng độ Alanine Aminotransferase ALT/GPT trong máu	Thuốc thử định lượng nồng độ ALT/GPT trong máu. Mẫu bệnh phẩm: huyết thanh/ huyết tương. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	ml	3.000
3	1.3	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm xác định nồng độ Aspartate Aminotransferase AST/GOT trong máu	Thuốc thử định lượng nồng độ AST/GOT trong máu. Mẫu bệnh phẩm: huyết thanh/ huyết tương. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	ml	3.000
4	1.4	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm xác định nồng độ canxi trong máu	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm xác định nồng độ canxi trong máu Mẫu bệnh phẩm: huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	ml	615
5	1.5	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm xác định nồng độ Cholesterol trong máu	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm xác định nồng độ cholesterol trong máu. Mẫu bệnh phẩm: huyết thanh/ huyết tương. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	ml	2.050
6	1.6	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm xác định nồng độ HDL Cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HDL Cholesterol. Mẫu bệnh phẩm: huyết thanh/ huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	ml	1.200
7	1.7	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm xác định nồng độ LDL Cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDL Cholesterol. Mẫu bệnh phẩm: huyết thanh người Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	ml	1.200

Sst	Sst theo phần	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
8	1.8	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm xác định nồng độ Creatinine	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine. Mẫu bệnh phẩm: huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	ml	3.075
9	1.9	Dung dịch rửa máy	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa Thành phần: có chứa Natri hydroxyd hoặc tương đương Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	ml	4.500
10	1.10	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm xác định nồng độ Glucose	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose. Mẫu bệnh phẩm: huyết thanh hoặc huyết tương. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	ml	2.050
11	1.11	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm xác định nồng độ Protein	Hóa chất dùng cho xét nghiệm protein total. Mẫu bệnh phẩm: huyết thanh hoặc huyết tương. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	ml	765
12	1.12	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm xác định nồng độ Triglycerides	Hóa chất dùng cho xét nghiệm triglycerides. Mẫu bệnh phẩm: huyết thanh hoặc huyết tương. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	ml	2050
13	1.13	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm xác định nồng độ Ure	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ure Mẫu bệnh phẩm: huyết thanh hoặc huyết tương. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	ml	3.400
14	1.14	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm xác định nồng độ Uric Acid	Hóa chất dùng cho xét nghiệm acid uric Mẫu bệnh phẩm: huyết thanh hoặc huyết tương. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	ml	820
15	1.15	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm xác định nồng độ γ -Glutamyltransferase	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glutamyltransferase (GGT) Mẫu bệnh phẩm: huyết thanh hoặc huyết tương. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	ml	1.400
16	1.16	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm xác định nồng độ Creatine Kinase	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatine Kinase Mẫu bệnh phẩm: huyết thanh hoặc huyết tương. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	ml	1.000
17	1.17	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm xác định nồng độ Creatine Kinase - MB	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatine Kinase - MB Mẫu bệnh phẩm: huyết thanh hoặc huyết tương. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	ml	700

Sst	Sst theo phần	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
18	1.18	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1	Vật liệu kiểm soát mức 1 cho xét nghiệm định lượng các thông số sinh hóa; Thành phần: được sản xuất từ huyết thanh người hoặc có thành phần giống với huyết thanh người, dạng đông khô Kiểm tra được tối thiểu các xét nghiệm sau: Albumin, ALT/GPT, AST/GOT, Bilirubin total, Bilirubin direct, Cholesterol total, HDL-Cholesterol, LDL-Cholesterol, Creatinine, Glucose, GGT, Protein Total, Triglycerides, Uric Acid, Ure. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	400
19	1.19	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2	Vật liệu kiểm soát mức 2 cho xét nghiệm định lượng các thông số sinh hóa; Thành phần: được sản xuất từ huyết thanh người hoặc có thành phần giống với huyết thanh người, dạng đông khô Kiểm tra được tối thiểu các xét nghiệm sau: Albumin, ALT/GPT, AST/GOT, Bilirubin total, Bilirubin direct, Cholesterol total, HDL-Cholesterol, LDL-Cholesterol, Creatinine, Glucose, GGT, Protein Total, Triglycerides, Uric Acid, Ure. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	400
20	1.20	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng các thông số sinh hóa; Thành phần: chứa vật liệu chiết xuất từ huyết thanh người, dạng đông khô Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	350
21	1.21	Chất chuẩn cho xét nghiệm HDL-Cholesterol	Chất chuẩn cho xét nghiệm HDL-Cholesterol. Thành phần: chứa huyết thanh người hoặc vật liệu chiết xuất từ huyết thanh người, dạng đông khô. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	12
22	1.22	Chất chuẩn cho xét nghiệm LDL-Cholesterol	Chất chuẩn cho xét nghiệm LDL-Cholesterol. Thành phần: chứa huyết thanh người hoặc vật liệu chiết xuất từ huyết thanh người, dạng đông khô. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	12

Sst	Sst theo phần	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
23	1.23	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm CK-MB	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm CK-MB Thành phần: chứa huyết thanh người hoặc có thành phần giống với huyết thanh người, dạng đông khô. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	ml	12
24	1.24	Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm CK-MB	Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm CK-MB Thành phần: chứa vật liệu chiết xuất từ người, dạng đông khô. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	ml	12
25	1.25	Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm sinh hóa	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng các thông số sinh hóa; Thành phần: chứa vật liệu chiết xuất từ huyết thanh người, dạng đông khô Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	Ngoài danh mục chất chuẩn và chất kiểm chứng nêu trên, Nhà thầu chào số lượng/ khối lượng chất chuẩn, chất kiểm chứng đủ sử dụng trong 12 tháng cho lượng các thuốc thử/hóa chất xét nghiệm nêu trên
26	1.26	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm sinh hóa thường quy mức bệnh lý	Thành phần: được sản xuất từ huyết thanh người hoặc có thành phần giống với huyết thanh người, dạng đông khô Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	
27	1.27	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm sinh hóa thường quy mức bình thường	Vật liệu kiểm soát mức 1 cho xét nghiệm định lượng các thông số sinh hóa; Thành phần: được sản xuất từ huyết thanh người hoặc có thành phần giống với huyết thanh người, dạng đông khô. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	
28	1.28	Bóng đèn Halogen cho máy phân tích sinh hóa	Bóng đèn Halogen 12V - 20W	cái	4
29	1.29	Cuvet cho máy phân tích sinh hóa	Cuvet cho máy phân tích sinh hóa M400	cái	12
		Tổng cộng: 29 khoản			

Stt	Stt theo phần	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
	2	Phần 2. Hóa chất và vật tư xét nghiệm khí máu (tương thích với máy xét nghiệm khí máu GASTAT-710)			
30	2.1	Hóa chất hiệu chuẩn cho máy khí máu GASTAT-710/720/730	Hóa chất hiệu chuẩn cho máy khí máu GASTAT-710/720/730.	ml	6.500
31	2.2	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm khí máu, sử dụng cho máy GASTAT - 18XX và GASTAT - 7XX	Chứa: đệm, chất hoạt động bề mặt, chất bảo quản và nước khử ion.	ml	2.750
32	2.3	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho máy khí máu GASTAT-710/720/730	Hoá chất kiểm chứng mức 1 cho máy khí máu GASTAT-710/720/730	ml	35
33	2.4	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho máy khí máu GASTAT-710/720/730	Hoá chất kiểm chứng mức 2 cho máy khí máu GASTAT-710/720/730	ml	35
34	2.5	Hóa chất kiểm chứng mức 3 cho máy khí máu GASTAT-710/720/730	Hoá chất kiểm chứng mức 3 cho máy khí máu GASTAT-710/720/730	ml	35
35	2.6	Bộ ống dây bơm	Bộ ống dây bơm tương thích với máy khí máu.	Túi	2
36	2.7	Cổng nhận mẫu	Cổng nhận mẫu	Cái	5
37	2.8	Điện cực pH	Tương thích với máy khí máu. Xét nghiệm được thực hiện dựa trên phương pháp đo điện thế.	Cái	2
38	2.9	Vỏ điện cực tham chiếu	Tương thích với máy khí máu. Vỏ điện cực và lõi điện cực được lắp ráp với nhau sẽ thành điện cực tham chiếu Ref Electrode.	Cái	2
39	2.10	Lõi điện cực tham chiếu	Tương thích với máy khí máu. Vỏ điện cực và lõi điện cực được lắp ráp với nhau sẽ thành điện cực tham chiếu Ref Electrode.	Cái	2

11 五五至 1211

Stt	Stt theo phần	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
40	2.11	Điện cực PO2	Tương thích với máy khí máu Xét nghiệm được thực hiện dựa trên phương pháp điện cực Clark.	Chiếc	2
41	2.12	Điện cực pCO2	Tương thích với máy khí máu Xét nghiệm được thực hiện dựa trên phương pháp điện cực Severinghause.	Cái	2
42	2.13	Điện cực đo Hemoglobin	Điện cực rời để đo thông số Hemoglobin (cHb) ở máy khí máu	Cái	2
43	2.14	Bơm tiêm có tráng chống đông	Bơm tiêm có tráng chống đông, có kim	Cái	60
		Tổng cộng: 14 khoản			
3		Phần 3. Hóa chất và vật tư xét nghiệm nước tiểu (tương thích với máy xét nghiệm nước tiểu 77 Elektronika Kft)			
44	3.1	Que thử xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu	Xác định tối thiểu các thông số nước tiểu trên các máy bán tự động: Bilirubin, Urobilinogen, Ketones, Glucose, Protein, máu, pH, Nitrite, Leukocytes và tỷ trọng nước tiểu.	Test	1.200
45	3.2	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm nước tiểu	Sử dụng chất kiểm chuẩn để đánh giá khách quan về độ chính xác của các phương pháp và kỹ thuật được sử dụng. Thành phần: Nước tiểu người, hồng cầu, bạch cầu mô phỏng.	ml	720
46	3.3	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính và bán định lượng các thông số xét nghiệm nước tiểu nồng độ bình thường	Phân tích tối thiểu các thông số nước tiểu: Bilirubin, Urobilinogen, Ketones, Glucose, Protein, máu, pH, Nitrite, Leukocytes và tỷ trọng nước tiểu.	ml	720

Stt	Stt theo phần	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
47	3.4	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính và bán định lượng các thông số xét nghiệm nước tiểu nồng độ bất thường	Phân tích tối thiểu các thông số nước tiểu: Bilirubin, Urobilinogen, Ketones, Glucose, Protein, máu, pH, Nitrite, Leukocytes và tỷ trọng nước tiểu.	ml	720
		Tổng: 4 khoản			
	4	Phần 4. Khác			
48	4.1	Test thử hàn the	Test phát hiện định tính sự có mặt của hàn the trong thực phẩm Ngưỡng phát hiện ≤ 50 ppm Thời gian đọc kết quả ≤ 30 phút	Test	100
49	4.2	Test thử dư lượng thuốc trừ sâu	Test phát hiện định tính sự có mặt của dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm Ngưỡng phát hiện $\leq 0,5$ ppm Thời gian đọc kết quả ≤ 40 phút	Test	100
50	4.3	Cân sức khỏe có thước đo	Cân cơ học đo trọng lượng cơ thể và đo chiều cao. Mặt cân có vạch chia. Kích thước mặt bàn cân 28 cm x 38 cm ($\pm 10\%N$). Đo trọng lượng: phạm vi đo: 0,5 kg - 120 kg. Đo chiều cao: phạm vi đo 70 cm - 190 cm	Cái	5
51	4.4	Nhiệt kế tủ lạnh	Nhiệt kế thủy ngân. Dải đo từ -30 độ C đến 50 độ C. Kích Cỡ vạch chia độ F và độ C	Cái	3
52	4.5	Chậu inox đơn có vòi rửa mặt khăn cấp	Chậu inox đơn có vòi rửa mặt khăn cấp	Cái	1
		Tổng cộng: 04 khoản			
Tổng cộng: 52 khoản					

PHỤ LỤC 02. MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời số /TM-BVTTHN ngày /8/2026 của Bệnh viện Tâm thần Hà Nội)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Tâm thần Hà Nội

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Tâm thần Hà Nội, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hóa chất, sinh phẩm, y dụng cụ, vật tư y tế như sau:

1. Báo giá cho các hóa chất, y dụng cụ, vật tư y tế và dịch vụ liên quan

STT	Tên hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Mã HS	Thông số kỹ thuật	Hãng sx	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng/khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Hàng hóa 1												
2	Hàng hóa 2												
n	...												

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

- 2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng 150 ngày, kể từ ngày tháng 8 năm 2026.
- 3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

PHỤ LỤC 02. MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời số /TM-BVTTHN ngày /8/2026 của Bệnh viện Tâm thần Hà Nội)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Tâm thần Hà Nội

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Tâm thần Hà Nội, chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hóa chất, y dụng phẩm, y dụng cụ, vật tư y tế như sau:

1. Báo giá cho các hóa chất, y dụng cụ, vật tư y tế và dịch vụ liên quan

STT	Tên hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Mã HS	Thông số kỹ thuật	Hãng sx	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng/khối lượng	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
1	Hàng hóa 1												
2	Hàng hóa 2												
n	...												

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế).

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng 150 ngày, kể từ ngày tháng 8 năm 2026.

3. Chúng tôi cam kết:



- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))